

cuộc thi sáng tác và xuất bản các tác phẩm về chân dung các Anh hùng, Chiến sĩ thi đua, các gương người tốt, việc tốt trong thời kỳ đổi mới.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

CÁC BỘ

BỘ CÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 87/2004/QĐ-BCN ngày 06/9/2004 về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ngành Cơ khí đến năm 2010 phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn”.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP

ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2003/CT-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản;

Căn cứ Chương trình hành động của ngành công nghiệp số 2749/CV-KHĐT ngày 22/7/2002 của Bộ Công nghiệp gửi các đơn vị trực thuộc nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Cơ khí Luyện kim và Hóa chất, Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển ngành Cơ khí đến năm 2010 phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn” với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn:

- Phát triển cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn phải phù hợp với Chiến lược phát triển ngành Cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn đến 2020 đã

được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời gắn chặt với quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, quy hoạch phát triển các ngành nông, lâm, thủy sản và quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương.

- Phát triển một cách có tập trung, có chọn lọc một số phân ngành, một số chủng loại sản phẩm cơ khí như máy động lực; thiết bị phục vụ cơ giới hóa khâu làm đất, thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch; thiết bị chế biến (trước hết là thiết bị chế biến các loại nông, lâm, thủy sản có sản lượng lớn, có thị trường xuất khẩu nhưng tỷ lệ chế biến hiện còn thấp); thiết bị cơ khí thủy lợi; sản xuất phụ tùng thay thế, sửa chữa cho các thiết bị cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời khuyến khích xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp có thị trường, có khả năng cạnh tranh.

- Phát triển cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn dựa vào phát huy nội lực là chính (thông qua việc huy động năng lực của cả ngành trên cơ sở tăng cường chuyên môn hóa, hợp tác hóa); kết hợp huy động tối đa các nguồn lực từ bên ngoài, trước hết về công nghệ và vốn.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế tham gia vào chương trình cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

2. Mục tiêu:

- Cơ giới hóa các khâu và lĩnh vực đòi hỏi nhiều sức lao động; cường độ lao động cao; thời vụ khẩn trương trong nông, lâm, ngư nghiệp. Cơ khí hóa khâu chế biến nông, lâm, thủy sản.

- Tạo điều kiện ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật; công nghệ; thiết bị tiên tiến vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao mức độ cơ khí hóa trong khâu thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu nước, chủ động đáp ứng yêu cầu thâm canh các loại cây trồng, chủ động phòng chống, hạn chế và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

- Phát triển các dịch vụ cung cấp và sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị cơ khí phục vụ nông nghiệp, góp phần cơ giới hóa nông nghiệp, tăng năng suất lao động, từng bước cải thiện điều kiện lao động cho nông dân.

3. Định hướng phát triển ngành Cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn:

3.1. Đối với khâu sản xuất nông, lâm nghiệp:

a) Về trồng trọt.

- Trang bị các loại máy kéo phù hợp với điều kiện từng địa bàn và quy mô sản xuất.

- Cơ giới hóa việc trồng trọt đối với một số loại cây trồng như cây mía, cây mầu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp dài ngày và các loại cây ăn quả.

- Để thực hiện mục tiêu phương hướng trên, dự báo từ nay đến năm 2010 mỗi năm cần khoảng 600 - 700 máy kéo lớn, 4.000 - 4.500 máy kéo cỡ trung, 5.000 - 6.000 máy kéo 2 bánh 6 - 12 mã lực, 150 - 180 máy kéo xích. Hàng năm cần 30.000 - 40.000 chiếc máy nông nghiệp theo sau, gồm các máy làm đất (cày trụ, cày chảo, phay đất, bánh lồng...); gieo trồng; chăm sóc; thu hoạch; sơ chế và bảo quản sau thu hoạch.

- Ngành Cơ khí trong nước sản xuất và cung cấp hàng năm khoảng 140.000 - 150.000 động cơ xăng và diezen để đáp ứng yêu cầu của nông nghiệp, nông thôn.

- Ngành Cơ khí trong nước đảm bảo chế tạo phần lớn động cơ, một phần máy kéo cỡ nhỏ và các máy nông nghiệp, hầu hết các loại phụ tùng sửa chữa, thay thế cho các loại máy hiện có.

b) Về chăn nuôi.

Đối với các trại chăn nuôi, tập trung thực hiện cơ khí hóa khâu vệ sinh chuồng trại; cung cấp nước; cung cấp thức ăn; tạo tiểu khí hậu (sưởi ấm, làm mát); tắm rửa gia súc; ấp trứng; vắt sữa; bảo quản và vận chuyển sữa.

c) Về lâm nghiệp.

Trong những năm tới chủ yếu là khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ vốn rừng hiện có. Cần nâng cao mức độ cơ khí hóa các khâu sản xuất giống, từ làm đất đến trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng, góp phần thực hiện chương trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và trồng 5 triệu ha rừng. Từ nay đến năm 2010, các loại máy ủi; máy động lực lớn; xe vận tải nặng phục vụ khai thác, vận chuyển, làm đường trong rừng chủ yếu là nhập khẩu.

Cơ khí trong nước chế tạo 80 - 100% các máy phục vụ trồng rừng, máy phun thuốc trừ sâu, 50 - 60% các máy cưa xẻ gỗ, tĩa cành... và làm nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa trung, đại tu và sản xuất một số loại phụ tùng thay thế.

d) Về thủy lợi.

Cần trang bị các máy để đào hồ, đắp đập, nạo vét kênh mương, xây dựng các công trình thủy lợi.

Trang bị bơm hướng trục, bơm ly tâm cột nước thấp để tưới tiêu cho vùng đồng bằng, trang bị các bơm có cột đẩy cao để bơm nước phục vụ sinh hoạt và tưới các loại cây công nghiệp, cây ăn quả ở vùng Trung du, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Đối với vùng trồng cây công nghiệp có giá trị cao (cà phê, chè...) ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến như bơm tưới phun, tưới ngầm, tưới nhỏ giọt nhằm tiết kiệm nước và bảo đảm yêu cầu nông học.

Để đảm bảo tưới tiêu chủ động, hàng năm cần khoảng 26.000 máy bơm 100 - 540 m³/h và 1.000 máy bơm cỡ lớn và vừa cho các trạm tiêu úng cố định, các trạm bơm lớn.

Cơ khí trong nước sản xuất toàn bộ các loại máy bơm hướng trục, bơm ly tâm kể cả bơm tưới tiêu phục vụ thủy lợi tới 15.000 m³/h với dải cột áp từ 2,5 - 10 m, các loại bơm nước nhỏ với cột đẩy cao. Đẩy mạnh chế tạo các thiết bị phục vụ công trình thủy lợi như các loại cửa cống, thiết bị đóng mở cửa cống, cửa van, các loại tuabin thủy điện nhỏ và vừa, các ống áp lực và xi phông, cầu trục, cầu lặn, thiết bị chuyên dùng trong thi công kè, đê, thiết bị thả rồng đá..

3.2. Đối với khâu chế biến nông, lâm, thủy sản:

a) Lương thực.

*** Về bảo quản.**

Chế tạo và cung cấp máy móc thiết bị để nâng cấp 140.000 tấn kho hiện có, xây dựng mới khoảng 650.000 tấn kho dự trữ hiện đại, cơ giới hóa khâu bốc dỡ, vận chuyển, kiểm tra chất lượng hàng hóa.

Cung cấp máy sấy với các kiểu cỡ khác nhau (đối với hộ và liên hộ gia đình: cung cấp máy sấy 0,5 - 2 tấn/mẻ, hộ chuyên làm dịch vụ: cung cấp máy sấy 3 - 5 tấn/mẻ, với doanh nghiệp chế biến lương thực: cung cấp máy sấy 6 - 10 tấn/mẻ) để sấy lúa,

đặc biệt đối với lúa hè thu ở đồng bằng sông Cửu Long.

*** Về chế biến.**

Gạo phục vụ nội tiêu: chủ yếu trang bị máy xay xát nhỏ 0,8 - 1 tấn/h hoặc dây chuyền đơn giản gồm xay xát, sàng phân loại công suất 1 - 2 tấn/h.

Gạo xuất khẩu: trang bị dây chuyền đồng bộ gồm xay xát, phân loại, đánh bóng, tách hạt màu công suất 100 - 120 tấn/ca, kết hợp đồng bộ với máy sấy và kho bảo quản.

b) Đường.

- Giai đoạn từ nay đến 2005: Do các nhà máy xây dựng mới chưa phát huy hết công suất (chỉ đạt từ 50 - 80% công suất thiết kế) nên sẽ không đầu tư thêm nhà máy mới. Vì vậy, ngành cơ khí tập trung chế tạo phụ tùng sửa chữa, thay thế cho các nhà máy hiện có và các nhà máy đã có kế hoạch di dời.

- Giai đoạn 2006 - 2010: Chế tạo thiết bị cho một số nhà máy mới sẽ đầu tư để phát huy hết lợi thế của các vùng nguyên liệu tập trung, chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

c) Cà phê.

- Trang bị máy móc phù hợp quy mô và công nghệ chế biến (khô hoặc ướt) cho các cơ sở chế biến cà phê. Đối với hộ gia đình và liên hộ, cần trang bị máy xát

quả tươi công suất 0,3 - 1 tấn/h, thiết bị sấy cỡ nhỏ 0,1 - 0,5 tấn/m².

- Nghiên cứu, chế tạo thiết bị chế biến với tính năng, công suất thích hợp để trang bị cho các trạm chế biến cà phê ứng với những vùng cà phê có diện tích khoảng 100 ha trở lên. Trang bị xưởng chế biến với công nghệ, thiết bị phù hợp cho các cơ sở chế biến cà phê có sản lượng 1.000 - 1.500 tấn/năm (chủ yếu ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ). Trang bị những dây chuyền thiết bị đồng bộ, hoàn chỉnh, bao gồm sơ chế, phân loại, đánh bóng, đóng bao cho các nhà máy chế biến cà phê công suất 5.000 - 10.000 tấn/năm, ứng với các vùng cà phê có diện tích khoảng 5.000 ha.

- Nghiên cứu, chế tạo thiết bị chế biến cà phê hòa tan để cung cấp cho 3 nhà máy chế biến cà phê hòa tan (dự kiến đầu tư ở 3 miền) với công suất mỗi nhà máy từ 1.000 - 2.000 tấn/năm, ứng với vùng nguyên liệu có diện tích 1.000 - 1.500 ha để phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

d) Cao su.

- Chế tạo thiết bị để phục vụ cho việc cải tạo và nâng cấp các nhà máy chế biến cao su hiện có và trang bị mới 25 - 30 dây chuyền loại 6.000 tấn/năm. Nâng cấp, đổi mới thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm cao su mũ khô dạng cốm, khối. Trang bị đủ các xe chuyên dùng để

vận chuyển mũ nước về nhà máy nhằm giải quyết tốt khâu vệ sinh môi trường tại khu vực chế biến.

- Nâng cao mức độ cơ khí hóa các xưởng chế biến cỡ vừa và nhỏ để sản xuất cao su dạng cốm công suất 3.000 - 12.000 tấn/năm.

- Chế tạo thiết bị để cung cấp cho các xưởng chế biến cao su cỡ nhỏ công suất 1.200 - 1.500 tấn/năm, phục vụ cho cao su tiểu điền.

đ) Chè.

- Đến năm 2005, ngành Cơ khí tiến hành nghiên cứu, chế tạo và cung cấp thiết bị để xây dựng 6 - 8 nhà máy chế biến chè đen công suất 12 tấn búp tươi/ngày và một số nhà máy chế biến chè xanh công suất 6 - 12 tấn búp tươi/ngày. Đến năm 2010, chế tạo và cung cấp thiết bị để xây dựng thêm các nhà máy chế biến chè có công nghệ hiện đại với tổng công suất 5.000 tấn búp tươi/ngày.

- Nghiên cứu, chế tạo và trang bị các máy sao và vò chè cỡ nhỏ cho các hộ nông dân.

e) Rau quả.

- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị và sản xuất phụ tùng thay thế để phục vụ nhu cầu sửa chữa, nâng cấp 22 nhà máy chế biến rau quả hiện có. Chế tạo thiết bị để xây dựng các nhà máy chế biến mới với tổng công suất 250.000 tấn/

năm vào năm 2010. Trang bị các dây chuyền chế biến quy mô công nghiệp với công suất 30.000 - 35.000 tấn/năm, trang bị các dây chuyền làm vỏ hộp lon, bao bì cho các cơ sở chế biến các loại rau quả. Đối với các vùng nguyên liệu tập trung, ngành Cơ khí cần nghiên cứu, chế tạo thiết bị để xây dựng nhà máy chế biến rau quả với quy mô công suất 5.000 - 10.000 tấn/năm. Đối với vùng nguyên liệu phân tán, ngành Cơ khí cần nghiên cứu, chế tạo thiết bị để xây dựng nhà máy chế biến rau quả công suất nhỏ, khoảng 1.500 tấn/năm.

g) Điều.

- Kết hợp cơ khí và thủ công để chế biến điều. Lựa chọn công nghệ và thiết bị hiện đại để đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ điều như chế biến bánh kẹo cao cấp từ nhân điều, dầu vỏ điều, nước giải khát từ thịt quả điều.

- Nghiên cứu, chế tạo thiết bị để đầu tư mở rộng công suất các cơ sở chế biến điều hiện có. Đến 2005, cần nghiên cứu, chế tạo thiết bị để phục vụ việc xây dựng thêm khoảng 15 - 20 cơ sở chế biến điều. Giai đoạn 2006 - 2010, cần chế tạo thiết bị để xây dựng thêm khoảng 50 cơ sở chế biến điều với quy mô tùy thuộc vùng nguyên liệu, trung bình 3.000 - 5.000 tấn hạt/năm là thích hợp.

h) Dừa và dầu thực vật.

- Hiện đại hóa các dây chuyền sản

xuất các sản phẩm từ dừa. Ngoài khâu tinh luyện dầu, cần chú trọng nghiên cứu, chế tạo các dây chuyền thiết bị cho các khâu sản xuất sản phẩm từ dầu dừa. Cải tiến công nghệ, đổi mới thiết bị để nâng cao hiệu suất ép dầu thô. Nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để sản xuất shortening, glycerin, axit béo... phục vụ cho công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và các ngành công nghiệp khác.

- Chế tạo thiết bị để phục vụ việc đầu tư xây dựng các xí nghiệp sản xuất cơm dừa xuất khẩu với tổng công suất 3.000 - 5.000 tấn/năm, sản xuất than hoạt tính công suất 1.000 tấn/năm.

i) Thịt, sữa và thức ăn chăn nuôi.

* Thịt.

- Nghiên cứu, chế tạo máy móc, thiết bị chế biến thịt để đầu tư chiều sâu cho 2 nhà máy lớn sản xuất thịt xuất khẩu.

- Trang bị thiết bị giết mổ cho các cơ sở sản xuất thịt có quy mô nhỏ, khoảng 10 - 20 tấn/ngày. Đối với các thành phố và khu công nghiệp, ngành Cơ khí cần nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các dây chuyền thiết bị chế biến thịt đồng bộ, bao gồm các cả thiết bị giết mổ kết hợp với kiểm tra thú y, bảo quản mát, xe chở nguyên liệu và xe lạnh cùng với công nghệ xử lý các phụ phẩm để chế biến các sản phẩm từ thịt như pate, xúc xích, lap xường...

* Sữa:

- Ngành Cơ khí cần nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị chế biến sữa với mục tiêu theo kịp công nghệ tiên tiến của thế giới. Nghiên cứu, chế tạo thiết bị phù hợp để phục vụ việc đầu tư nâng cấp, mở rộng các nhà máy sữa, xây dựng một số nhà máy mới ở các tỉnh và thành phố. Ngoài thiết bị chế biến sữa bò, ngành Cơ khí cần chú trọng nghiên cứu, chế tạo cả thiết bị chế biến sữa thực vật như sữa đậu nành.

- Tham gia chế tạo thiết bị cho các nhà máy sữa mới sẽ đầu tư ở Lâm Đồng, Hải Phòng, Quảng Ninh...

* Thức ăn chăn nuôi.

Nghiên cứu chế tạo thiết bị hiện đại, kết hợp với chuyển giao công nghệ để xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi có quy mô 30.000 - 100.000 tấn/năm, đảm bảo chế biến 2 triệu tấn thức ăn công nghiệp vào năm 2005 và 4 triệu tấn vào năm 2010.

k) Gỗ và lâm sản.

- Chế biến gỗ và lâm sản chủ yếu là để phục vụ sản xuất giấy, ván nhân tạo, đồ mộc gia dụng. Ngành Cơ khí có thể tham gia chế tạo rất nhiều loại thiết bị, phụ tùng, công cụ cho công nghiệp chế biến gỗ. Trước mắt thực hiện tốt nhiệm vụ chế tạo thiết bị cho nhà máy bột giấy Thanh Hóa, tiếp đó là Bắc Kạn và các

nhà máy khác, chế tạo thiết bị cho các dây chuyền sản xuất ván ghép thanh, ván tre, luồng quy mô 1.000 - 4.000 m³ sản phẩm/năm, thích hợp với từng vùng nguyên liệu.

- Trang bị cho các dây chuyền chế biến nhựa thông quy mô 1.000 - 1.500 tấn/năm.

l) Chế biến thủy, hải sản:

- Tham gia chủ động, tích cực vào việc chế tạo thiết bị, phụ tùng cho các nhà máy chế biến thủy, hải sản.

- Chế tạo, cung cấp các thiết bị, dây chuyền làm nước đá, đá khô với quy mô công suất khác nhau cho khâu bảo quản trong quá trình đánh bắt hải sản.

- Chế tạo thiết bị cho các kho bảo quản đông lạnh.

- Sản xuất, lắp ráp các loại ô tô chuyên dụng (xe đông lạnh).

Ngoài ra, ngành Cơ khí cũng phải tham gia chế tạo thiết bị cho chế biến muối...

4. Giải pháp và chính sách phát triển:

a) Một số giải pháp chủ yếu:

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh việc triển khai thực hiện những dự án về cơ khí phục vụ nông nghiệp thuộc Chương trình sản phẩm cơ khí trọng điểm đã được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn. Nghiên cứu, lựa chọn và đề xuất với Thủ

tướng Chính phủ bổ sung các sản phẩm mới vào Chương trình.

- Từng bước sắp xếp lại hệ thống ngành Cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn từ Trung ương đến địa phương theo hướng:

+ củng cố các Tổng Công ty nhà nước (thuộc Bộ Công nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để có thể đảm nhiệm tốt vai trò chủ đạo, phát triển mô hình Công ty mẹ - Công ty con, chuyển dần một số doanh nghiệp cơ khí nông nghiệp thuộc địa phương thành công ty con hoặc doanh nghiệp vệ tinh của các công ty lớn. Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ngành Cơ khí nông nghiệp.

+ Tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác hóa; tăng cường sự phối hợp giữa các doanh nghiệp cơ khí trong cả nước để có thể chế tạo những sản phẩm phức tạp như máy kéo, máy gặt đập liên hợp, các dây chuyền, thiết bị chế biến...

+ Phát triển mạng lưới đại lý cung ứng thiết bị, phụ tùng, vật tư, nhiên liệu dầu mỡ..., làm tốt dịch vụ bảo hành và các dịch vụ sau bán hàng. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng tham gia sao cho mạng lưới cung ứng rộng khắp tới tận thôn xóm.

- Đẩy mạnh đầu tư chiều sâu; đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao

năng lực sản xuất; tận dụng tối đa năng lực đã đầu tư phục vụ sản xuất sản phẩm cơ khí cho nông nghiệp.

- Củng cố các cơ quan nghiên cứu, thiết kế, từng bước hình thành các cơ sở nghiên cứu, thiết kế đủ mạnh và chuyên sâu về cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đủ khả năng thiết kế những thiết bị và dây chuyền phức tạp.

- Củng cố, phát huy vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam.

- Tổ chức điều tra, nắm bắt, dự báo nhu cầu về thị trường sản phẩm cơ khí nông nghiệp; lựa chọn, xác định kiểu, cỡ máy móc phù hợp điều kiện và tập quán canh tác, quy mô vùng nguyên liệu... từ đó lựa chọn một số sản phẩm mũi nhọn của từng ngành, từng lĩnh vực để tập trung đầu tư sản xuất. Đối với những máy móc, thiết bị chưa chế tạo được cần có kế hoạch nhập mẫu nghiên cứu chế tạo và thử nghiệm, tiến tới triển khai chế tạo hàng loạt.

- Khuyến khích, huy động mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Tích cực kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài, trước hết vào những lĩnh vực chế tạo máy móc, thiết bị, dây chuyền chế biến phức tạp.

- Đẩy mạnh đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại để bảo vệ và mở rộng thị trường trong nước.

b) Các chính sách:

Hiện nay Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ tín dụng cho các nhà sản xuất, kinh doanh thiết bị máy móc phục vụ nông nghiệp thông qua các đầu mối sau:

+ Quỹ Hỗ trợ phát triển thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển đối với các dự án thuộc diện khuyến khích đầu tư trong nước và cho vay với lãi suất ưu đãi đối với một số ngành trọng điểm như cơ khí, trồng rừng (Nghị định số 106/2004/NĐ-CP).

+ Ngân hàng chính sách xã hội cho vay với lãi suất ưu đãi cho các hộ nghèo, giải quyết việc làm, cho vay phát triển kinh tế khu vực II, III...

Tuy nhiên, việc thực hiện thành công chương trình đưa cơ khí phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trước hết đòi hỏi sự nỗ lực của bản thân ngành Cơ khí, các chính sách của Nhà nước chỉ là hỗ trợ. Mọi doanh nghiệp cơ khí (không chỉ riêng chuyên ngành Cơ khí nông nghiệp) phải nhận thức được việc tham gia vào chương trình cơ khí phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn không chỉ là nhiệm vụ chính trị của ngành mà trước hết là một cơ hội lớn để phát triển ngành vì thị trường sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn là vô cùng rộng lớn.

Để tạo thuận lợi cho ngành Cơ khí thâm nhập thị trường này, ngoài việc

tiếp tục thực hiện những chính sách nói trên, Bộ Công nghiệp tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ theo hướng sau:

1. Chính sách hỗ trợ về đầu tư sản xuất máy móc phục vụ nông nghiệp; chế biến nông, lâm, thủy sản:

+ Đề nghị Thủ tướng Chính phủ mở rộng danh mục đối tượng được hưởng các cơ chế ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 106/2004/NĐ-CP cho một số loại sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn (trước hết đối với nhóm thiết bị canh tác, thủy lợi, chế biến).

+ Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc chế tạo mặt hàng mới như: đề nghị Nhà nước cho vay không lãi để mua mẫu máy, chế tạo thử, cấp tiền mua thiết kế máy mẫu.

+ Khuyến khích đặc biệt đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành Cơ khí phục vụ nông nghiệp.

+ Ưu tiên cho các cơ sở cơ khí trong nước được nhận các hợp đồng chế tạo thiết bị phục vụ nông nghiệp.

+ Mở rộng hợp tác quốc tế trong việc chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

2. Chính sách về tài chính - thuế:

+ Ưu tiên cho các doanh nghiệp cơ khí

sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn được vay đủ nhu cầu vốn lưu động, thủ tục vay đơn giản (nhất là đối với các doanh nghiệp dân doanh) để phục vụ sản xuất.

+ Giảm hoặc miễn thuế nhập khẩu với các loại vật tư, nguyên liệu sản xuất cơ khí phải nhập khẩu; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn cho các sản phẩm cơ khí mới.

+ Giảm tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất có thời hạn cho các dự án cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

3. Chính sách hỗ trợ về thị trường:

+ Áp dụng mức thuế nhập khẩu cao (trong khuôn khổ lộ trình hội nhập cho phép) đối với các loại sản phẩm cơ khí nông nghiệp trong nước đã sản xuất được và năng lực sản xuất đủ đáp ứng nhu cầu thị trường.

+ Xử phạt nghiêm các hành vi nhập khẩu lậu, gian lận thương mại đối với sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

4. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới phục vụ chế tạo thiết bị cơ khí nông nghiệp và chế biến nông, lâm sản.

Đề nghị Chính phủ hỗ trợ một phần chi phí chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới phục vụ chế tạo thiết bị cơ khí nông nghiệp và chế biến nông, lâm sản bằng nguồn vốn ngân sách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Công nghiệp:

1.1. Vụ Cơ khí, Luyện kim và Hóa chất:

- Phối hợp với Viện Nghiên cứu Chiến lược chính sách công nghiệp xây dựng Quy hoạch phát triển một số chuyên ngành, nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn (để thực hiện Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến 2020).

- Phối hợp với các Cục, Vụ, Viện liên quan nghiên cứu, đề xuất những chính sách cụ thể, nêu tại các điểm 1, 2, 3, 4; mục b; khoản 4; Điều 1 của Quyết định này để khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp với Hiệp hội các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam, Hội cơ khí Việt Nam nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm hình thành được mạng lưới doanh nghiệp cơ khí sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn từ Trung ương đến địa phương, tạo sự liên kết, hợp tác chặt chẽ, hiệu quả giữa các doanh nghiệp.

- Giúp Bộ trong việc chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn đúng mục tiêu đề ra và đảm bảo hiệu quả.

- Hướng dẫn các Sở Công nghiệp địa phương và các Tổng Công ty thuộc ngành Cơ khí triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành Cơ khí đến năm 2010 phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn sau khi được phê duyệt.

1.2. Cục Công nghiệp địa phương:

- Phối hợp với các Sở Công nghiệp, các Vụ chức năng, các Tổng Công ty ngành Cơ khí triển khai thực hiện các nội dung của Đề án phát triển ngành Cơ khí đến năm 2010 phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tại các địa phương; phối hợp với các Sở Công nghiệp nghiên cứu lồng ghép nội dung của Đề án trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp của các địa phương.

- Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn phù hợp yêu cầu và tình hình cụ thể của địa phương.

1.3. Vụ Khoa học và Công nghệ:

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đầu tư đổi mới công nghệ, hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

1.4. Viện Nghiên cứu Chiến lược chính sách công nghiệp:

- Phối hợp, giúp đỡ theo yêu cầu của địa phương, xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn, trong đó cụ thể hóa nội dung Đề án cho phù hợp đặc điểm của địa phương.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

2. Các Sở Công nghiệp:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Đề án này tại địa phương.

- Trên cơ sở Đề án này, nghiên cứu, xây dựng Chương trình phát triển cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn của địa phương, bao gồm cả việc xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp cơ khí tại địa phương phục vụ cho việc đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng và phân phối các sản phẩm cơ khí, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và chỉ đạo thực hiện.

3. Hiệp hội các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam và Hội Cơ khí Việt Nam:

- Tham gia xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp hoạt động của các thành

viên, hội viên trong việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, phân công, hợp tác sản xuất theo nội dung Đề án.

4. Các doanh nghiệp ngành Cơ khí:

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Đề án này tại doanh nghiệp mình.

- Tăng cường sự hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp để phát huy thế mạnh và tận dụng năng lực của toàn ngành; đẩy mạnh sản xuất sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; tranh thủ cơ hội chiếm lĩnh thị trường trong quá trình hội nhập.

- Các Tổng Công ty tích cực phát huy vai trò nòng cốt, chủ đạo của mình, tổ chức phân công sản xuất theo hướng chuyên môn hóa cao, đẩy nhanh việc hình thành các mô hình Công ty mẹ - Công ty con, doanh nghiệp vệ tinh, phát triển hình thức đặt hàng gia công với các doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp địa phương; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - phát triển; lựa chọn và tập trung phát triển một số loại sản phẩm mới theo định hướng nêu trong Đề án này.

5. Các Viện nghiên cứu ngành Cơ khí:

- Chủ động rà soát năng lực, tìm hiểu thị trường, chủ động xây dựng kế hoạch

nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Đào tạo cán bộ chuyên ngành Cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

6. Các Trường dạy nghề, các Cơ sở đào tạo nghề cơ khí thuộc Bộ Công nghiệp:

- Đẩy mạnh việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo nghề cơ khí cho nông dân, hỗ trợ các địa phương về kiến thức cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp, Viện trưởng Viện máy và Dụng cụ công nghiệp, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện, Giám đốc các Sở Công nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Hoàng Trung Hải